



guài rén

怪人

noun · eccentric person, weirdo

Example Sentences

nà gè guài rén zǒng shì yī gè rén zǒu lù
那个怪人 总是一个人走路。

That eccentric person always walks alone.

dà jiā dōu jué de tā shì gè guài rén
大家都觉得他是个怪人。

Everyone thinks he is a weirdo.

Trace each character, then write the word on your own.

怪	怪	怪	怪	怪	怪	怪	怪	怪	怪	怪
人	人	人	人	人						